

Số: *14* /GCN-BXD

Hà Nội, ngày *21* tháng *01* năm 2021

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM**  
**CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

*Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;*

*Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng chống thiên tai và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 06/01/2021.*

**CHỨNG NHẬN:**

1. Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng chống thiên tai,

Địa chỉ: Số 54 ngõ 102 Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm vật liệu và Kiểm định xây dựng

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 54 ngõ 102 Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

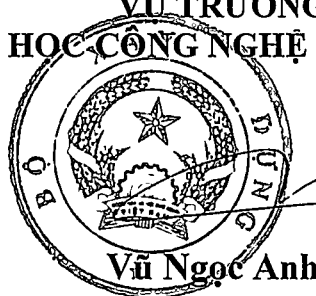
2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 356**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

**Nơi nhận:**

- Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng chống thiên tai;
- Sở XD Hà Nội;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**VỤ TRƯỞNG**  
**VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



# DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 356

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 14 /GCN-BXD, ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

| TT       | Tên chỉ tiêu thí nghiệm                                                         | Tiêu chuẩn quốc gia (*)                                            |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Thử nghiệm cơ lý của đất trong phòng</b>                                     |                                                                    |
|          | Xác định khối lượng riêng(tỷ trọng)                                             | TCVN 4595:12; AASHTO T100                                          |
|          | Xác định độ ẩm và độ hút ẩm                                                     | TCVN 4596:12;AASHTO T265                                           |
|          | Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy                                            | TCVN 4197:12;AASHTO T89, T90                                       |
|          | Xác định thành phần cỡ hạt                                                      | TCVN 4198:12; AASHTO T88                                           |
|          | Xác định sức chống cắt trên mặt phẳng                                           | TCVN 4199:12; AASHTO T236                                          |
|          | Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông                             | TCVN 4200:12; AASHTO T216                                          |
|          | Xác định độ chặt tiêu chuẩn                                                     | TCVN 4201:12; 22TCN 333-06, 22TCN59-84, AASHTO T99, T180           |
|          | Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)                                       | TCVN 4202:12; ASTM D2937                                           |
|          | Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)-Trong phòng thí nghiệm                    | 22TCN 333-06; AASHTO T193                                          |
|          | Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU;CD;CV)                | TCVN 8868:12; ASTM D2580-95; ASTM D4767-95; ASTM D7181; ASTM D2435 |
|          | Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông                                                | ASTM D2166-01, AASHTO T280                                         |
|          | Xác định hệ số thấm của đất                                                     | ASTM D2434-00, D4511; AASHTO –T49; TCVN 8723:12                    |
|          | Xác định đặt trung tan rã của đất                                               | TCVN 8718:12; AS/NS1547:2012                                       |
|          | Xác định đặt trung trương nở của đất                                            | TCVN 8719:12; AS1289.7.1.1                                         |
|          | Xác định đặt trung co ngót của đất                                              | TCVN 8720:12; AS1289.7.1.1                                         |
|          | Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất                                              | TCVN 8724:12                                                       |
|          | Xác định độ mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong PTN | TCVN 9843:13                                                       |
|          | Xác định cường độ ép chẻ của mẫu đá gốc                                         | ASTM D3967-95A                                                     |
|          | Xác định cường độ chịu cắt của đá                                               | 22TCN 57:1984                                                      |
|          | Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm                                      | 22TCN 333-06                                                       |
|          | Xác định lượng muối hòa tan                                                     | TCVN8727-12                                                        |
|          | Hàm lượng chất hữu cơ có trong đất bằng phương pháp đốt                         | TCVN8727-12                                                        |
|          | Độ ổn định của nước sau 5 chu kỳ bão hòa –sấy                                   | 22TCN-59-84                                                        |
|          | Xác định đặc trưng lún ướt của đất                                              | 14TCN 138 :05                                                      |
|          | Xác định góc chống cắt của đất bằng PP cắt cánh                                 | 14TCN 147:05                                                       |
|          | Xác định KLTT nhỏ nhất, lớn nhất và độ chặt tương đối của đất                   | 14TCN 136:05                                                       |
| <b>2</b> | <b>Thử nghiệm cơ lý của xi măng</b>                                             |                                                                    |
|          | Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng                                            | TCVN 4030:2003                                                     |
|          | Xác định giới hạn bền uốn và nén                                                | TCVN 6016:2011                                                     |
|          | Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích         | TCVN 6017:2015                                                     |
| <b>3</b> | <b>Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng</b>                                          |                                                                    |

| TT       | Tên chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Tiêu chuẩn quốc gia (*)   |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
|          | Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | TCVN 3106:93              |
|          | Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | TCVN 3108:93              |
|          | Xác định độ tách nước, tách vữa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | TCVN 3109:93              |
|          | Xác định khối lượng riêng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | TCVN 3112:93              |
|          | Xác định độ hút nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TCVN 3113:93              |
|          | Xác định khối lượng thể tích bê tông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TCVN 3115:93              |
|          | Độ co ngót của bê tông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | TCVN 3117:93              |
|          | Xác định giới hạn bền khi nén                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TCVN 3118:93              |
|          | Xác định giới hạn bền kéo khi uốn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TCVN 3119:93              |
|          | Xác định giới hạn đông kết của bê tông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | TCVN 9338:12              |
|          | Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | TCVN 5726:93              |
| <b>4</b> | <b>Cốt liệu cho bê tông và vữa</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                           |
|          | Xác định thành phần hạt; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn; Xác định khối lượng thể tích và độ hong; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt thổi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa; Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ. | TCVN 7572:2006.           |
|          | Xác định hệ số đưng lượng của cát (ES)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | ASTM D2419-91             |
| <b>5</b> | <b>Kiểm tra thép xây dựng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                           |
|          | Kim loại – phương pháp thử kéo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | TCVN 197:14               |
|          | Kim loại – phương pháp thử uốn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | TCVN 1615:08; TCVN 198:08 |
|          | Mối hàn - phương pháp thử kéo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TCVN 5403:10              |
|          | Mối hàn - phương pháp thử uốn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TCVN 5401:10              |
| <b>6</b> | <b>Bê tông nhựa</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                           |
|          | Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm; Xác định thành phần hạt; Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén; Xác định độ chảy nhựa; Xác định độ góc cạnh của cát; Xác định hệ số độ chặt lu lèn; Xác định độ rỗng dư; Xác định độ rỗng cốt liệu; Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa.                                                                                                                                                                  | TCVN 8860:2011            |
|          | Xác định thành phần cấp phối bê tông nhựa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | TCVN 8820:11              |
| <b>7</b> | <b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của nhựa đường</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                           |
|          | Xác định độ kim lún                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | TCVN7495:2005             |
|          | Xác định độ kéo dài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | TCVN 7496:2005            |
|          | Xác định điểm hóa mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | TCVN7497:2005             |
|          | Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ cleveland                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | TCVN 7498:2005            |
|          | Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | TCVN7499:2005             |

| TT        | Tên chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tiêu chuẩn quốc gia (*)               |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|           | Xác định độ hòa tan trong tricloetylen                                                                                                                                                                                                                                                                                         | TCVN 7500:2005                        |
|           | Xác định khối lượng riêng                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | TCVN 7501:2005                        |
|           | Xác định hàm lượng paraffin                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | TCVN 7503:2005                        |
|           | Xác định độ bám dính đối với đá                                                                                                                                                                                                                                                                                                | TCVN 7504:2005                        |
| <b>8</b>  | <b>Thí nghiệm tại hiện trường</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                       |
|           | Trắc địa công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | TCVN 9398:12                          |
|           | Xác định khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp rót cát                                                                                                                                                                                                                                  | 22TCN 346-2006; AASHTO T191           |
|           | Đo dung trọng, độ ẩm bằng PP dao đai                                                                                                                                                                                                                                                                                           | TCVN 8729; ASTM D2937; AASHTO T204    |
|           | Mặt đường ô tô – Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m                                                                                                                                                                                                                                                                      | TCVN 8864:2011                        |
|           | Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vồng Benkelman                                                                                                                                                                                                                                            | TCVN 8867:2011; AASHTO T256           |
|           | Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp dao đai                                                                                                                                                                                                                                                                          | 22TCN 02-1971; AASHTO T204            |
|           | Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TCVN 8866:11                          |
|           | Đo điện trở nổi đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | TCVN 46:2007                          |
|           | Cọc PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục                                                                                                                                                                                                                                                                              | TCVN 9393:12                          |
|           | Cọc khoan nhồi – phương pháp xung siêu âm xác định tính đồng nhất của bê tông                                                                                                                                                                                                                                                  | TCVN 9395-12                          |
|           | Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TCVN 9351:12 ; ASTM D158; AASHTO T206 |
|           | Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT và CPTU)                                                                                                                                                                                                                                                                                            | TCVN 9352:12 ; ASTM D3441             |
|           | Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)                                                                                                                                                                                                                                                                                          | ASTM D2573-08                         |
|           | Thí nghiệm CBR hiện trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | ASTM D4429:92                         |
|           | Lớp phủ mặt kết cấu xây dựng –PP kéo đứt thử độ bám dính nền                                                                                                                                                                                                                                                                   | TCXD 236:99                           |
|           | Xác định sức chịu tải của đất nền                                                                                                                                                                                                                                                                                              | ASTM D1194:94                         |
|           | Phương pháp xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường                                                                                                                                                                                                               | TCVN 8731-12                          |
|           | Thí nghiệm xuyên động DCT                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | ASTM D7380; ASTM D6951                |
|           | Xác định độ thấm nước của đá bằng thí nghiệm ép nước vào lỗ khoan                                                                                                                                                                                                                                                              | TCVN 9149-12                          |
|           | Xác định hệ số thấm nước của đất đá chứa nước bằng phương pháp hút nước từ các lỗ khoan                                                                                                                                                                                                                                        | TCVN 9148-12                          |
|           | Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy                                                                                                                                                                                                                                                                                    | TCVN 9334:12                          |
|           | Xác định mô đun đàn hồi bằng tấm ép cứng                                                                                                                                                                                                                                                                                       | TCVN 8861:2011                        |
|           | Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng                                                                                                                                                                                                                                                       | TCVN 9354:2012                        |
|           | Đo chuyển vị ngang của công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TCVN 9364:12                          |
| <b>9</b>  | <b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của vữa xây dựng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                       |
|           | Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa đã đông rắn; Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn; Xác định độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền; Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn. | TCVN 3121:2003                        |
| <b>10</b> | <b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch xây</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                       |

7B

| TT        | Tên chỉ tiêu thí nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                 | Tiêu chuẩn quốc gia (*) |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
|           | Độ bền nén; Cường độ uốn; Độ rỗng; Xác định vết tróc do vôi của các loại gạch xây; Độ hút nước; Khối lượng thể tích                                                                                                                                                     | TCVN 6355:2009          |
| <b>11</b> | <b>Thử nghiệm đá ốp lát xây dựng</b>                                                                                                                                                                                                                                    |                         |
|           | Xác định độ cứng vạch bề mặt; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ bền uốn; Xác định kích thước, khuyết tật; Xác định độ hút nước; Xác định độ mài mòn                                                                                                             | TCVN 4732:07            |
| <b>12</b> | <b>Thí nghiệm cơ lý của gạch bê tông</b>                                                                                                                                                                                                                                |                         |
|           | Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ rỗng; Xác định độ thấm nước; Xác định độ hút nước                                                                                                                                  | TCVN 6477:16            |
| <b>13</b> | <b>Thí nghiệm cơ lý gạch bê tông tự nhiên</b>                                                                                                                                                                                                                           |                         |
|           | Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định độ mài mòn                                                                                                                                                      | TCVN 6476:99            |
| <b>14</b> | <b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của phụ gia hóa học cho bê tông</b>                                                                                                                                                                                                      |                         |
|           | Tỉ lệ giảm nước so với mẫu đối chứng; Chênh lệch thời gian đông kết so với mẫu đối chứng; Tỉ lệ tăng cường độ nén so với mẫu đối chứng; Tỉ lệ tăng cường độ uốn so với mẫu đối chứng; Tỉ lệ giảm co ngót so với mẫu đối chứng; Hàm lượng chất khô; Hàm lượng tro; Độ PH | TCVN 8826:2011          |
| <b>15</b> | <b>Phép thử các chỉ tiêu của nước</b>                                                                                                                                                                                                                                   |                         |
|           | Xác định hàm lượng váng dầu mỡ                                                                                                                                                                                                                                          | TCVN2671-78             |
|           | Xác định hàm lượng cặn không hòa tan                                                                                                                                                                                                                                    | TCVN4560:88             |
|           | Xác định hàm lượng muối hòa tan                                                                                                                                                                                                                                         | TCVN4560:88             |
|           | Xác định độ PH                                                                                                                                                                                                                                                          | TCVN6492:99             |
|           | Xác định hàm lượng ion clorua (CL <sup>-</sup> )                                                                                                                                                                                                                        | TCVN6194-96             |
|           | Xác định hàm lượng ion sunfat (SO <sub>4</sub> -2)                                                                                                                                                                                                                      | TCVN6200-96             |
|           | Xác định hàm lượng chất hữu cơ                                                                                                                                                                                                                                          | TCVN2671:78             |
| <b>16</b> | <b>Thí nghiệm cơ lý vải địa kỹ thuật và bắc thấm</b>                                                                                                                                                                                                                    |                         |
|           | Vải địa kỹ thuật – độ dày danh định                                                                                                                                                                                                                                     | TCVN8220-2009           |
|           | Vải địa kỹ thuật – khối lượng trên đơn vị thể tích                                                                                                                                                                                                                      | TCVN8221-2009           |
|           | Vải địa kỹ thuật – độ thấm xuyên                                                                                                                                                                                                                                        | TCVN8487-2010           |
|           | Vải địa kỹ thuật – khả năng chống xuyên thủng CBR                                                                                                                                                                                                                       | ASTM D6241              |
|           | Vải địa kỹ thuật – Cường độ chịu kéo và độ giãn dài                                                                                                                                                                                                                     | TCVN8485-2010           |
|           | Bắc thấm – khối lượng trên đơn vị thể tích                                                                                                                                                                                                                              | ASTM D3776              |
|           | Bắc thấm – độ dày                                                                                                                                                                                                                                                       | ASTM D5199              |
|           | Bắc thấm – khả năng thoát nước                                                                                                                                                                                                                                          | ASTM D4716              |
|           | Bắc thấm – độ dẫn dài khi đứt                                                                                                                                                                                                                                           | ASTM D4632              |
|           | Xác định kích thước lỗ lọc của vải                                                                                                                                                                                                                                      | TCVN8486-2010           |
|           | Xác định sức chọc thủng bằng phương pháp rơi côn                                                                                                                                                                                                                        | TCVN8484-2010           |

**Ghi chú (\*)** - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.